

Ngày thi: 18/12/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152212624	TRƯƠNG THANH	PHƯƠNG	K16XDD1	9.6			7.5		6.5			3.5	0.0	Không		
2	152212654	THỦY THANH	TUẤN	K16XDD1	8.6			0		6.3			7	6.1	Sáu phẩy Một		
3	152212670	NGUYỄN TRÍ	HÀ	K16XDD1	8.6			7		6.6			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
4	152316364	NGUYỄN VĂN	VỸ	K16XDD1	8.2			6.5		5.3			5	5.8	Năm phẩy Tám		
5	162213213	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	K16XDD1	8.9			7		6.6			4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
6	162213216	NGUYỄN TUẤN	ĐĂNG	K16XDD1	8.9			8		4.4			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
7	162213218	NGUYỄN TRUNG	ĐỘ	K16XDD1	9.3			8		6.2			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
8	162213221	NGÔ LÊ MINH	ĐỨC	K16XDD1	10			8		6.7			2	0.0	Không		
9	162213223	ĐOÀN VĂN	DUY	K16XDD1	9.3			7		5.6			4	5.5	Năm phẩy Năm		
10	162213227	NGUYỄN VĂN	HẢI	K16XDD1	10			7.5		7.1			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
11	162213228	NGUYỄN ĐÌNH	HẠNH	K16XDD1	9.3			7		6			3.5	0.0	Không		
12	162213233	TRẦN LÊ	HIẾU	K16XDD1	6.4			1		4.6			3.5	0.0	Không		
13	162213241	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K16XDD1	9.3			6		6.9			4	5.5	Năm phẩy Năm		
14	162213250	LÊ THẾ	HUY	K16XDD1	8.6			8.5		5.9			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
15	162213253	ĐỖ HỮU	KHANG	K16XDD1	10			8		7.3			6	7.1	Bảy phẩy Một		
16	162213255	TRẦN PHƯỚC	LỊCH	K16XDD1	10			7.5		6			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
17	162213258	LÊ DUY	LỘC	K16XDD1	10			7.5		6.7			1	0.0	Không		
18	162213263	ĐẶNG NGỌC	LONG	K16XDD1	10			8		9			7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
19	162213267	HỒ THẮNG	MINH	K16XDD1	8.9			7.5		4.3			2.5	0.0	Không		
20	162213270	VÕ TRUNG	NGHĨA	K16XDD1	10			8		7.4			6	7.1	Bảy phẩy Một		
21	162213273	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	K16XDD1	10			7.5		6.8			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
22	162213277	TRẦN LỆ	NINH	K16XDD1	9.6			8.5		7.3			7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
23	162213281	NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG	K16XDD1	10			6.5		6			2.5	0.0	Không		
24	162213284	LÊ THẾ	QUÂN	K16XDD1	9.6			7.5		7.3			4	5.9	Năm phẩy Chín		
25	162213287	HOÀNG THANH	QUANG	K16XDD1	9.3			7.5		5.7			5	6.1	Sáu phẩy Một		
26	162213291	NGUYỄN THANH	SAN	K16XDD1	10			7.5		7.3			4.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
27	162213301	ĐOÀN VĂN	THANH	K16XDD1	10			7		7.3			7	7.5	Bảy phẩy Năm		
28	162213304	LÊ TRUNG	THÀNH	K16XDD1	10			8		7.6			7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
29	162213310	VÕ ĐĂNG	THỨ	K16XDD1	9.3			7		5.7			8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
30	162213314	HOÀNG VĂN	THƯỜNG	K16XDD1	8.6			8		6.2			4	5.6	Năm phẩy Sáu		
31	162213317	PHAN MINH	TIỀN	K16XDD1	10			9		7.1			7.5	8.0	Tám		
32	162213328	HỒ VĂN	TRUNG	K16XDD1	10			8		7			6	7.1	Bảy phẩy Một		
33	162213331	HOÀNG NGỌC	TRƯỜNG	K16XDD1	10			8.5		8			8	8.4	Tám phẩy Bốn		
34	162213337	DƯƠNG ANH	TUẤN	K16XDD1	10			8.5		7.3			6	7.2	Bảy phẩy Hai		
35	162213339	VĂN HỮU	TUẤN	K16XDD1	9.3			7		6.4			6.5	7.0	Bảy		
36	162213341	TRẦN VĂN	TUẤN	K16XDD1	9.6			7.5		7.2			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
37	162213342	NGÔ VIỆT	TUẤN	K16XDD1	10			7.5		7.6			8	8.2	Tám phẩy Hai		
38	162213345	NGUYỄN TRÍ	TUẤN	K16XDD1	10			7.5		6.7			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
39	162213350	TRƯƠNG CÔNG	VŨ	K16XDD1	9.6			8		6.6			8	8.0	Tám		
40	162213354	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K16XDD1	9.6			6.5		6.3			4	5.6	Năm phẩy Sáu		
41	162216501	NGÔ TRÍ	NGUYỄN	K16XDD1	8.6			2		5.8			V	0.0	Không		
42	162216630	TRẦN THÁI	BẢO	K16XDD1	9.3			8.5		6			7	7.4	Bảy phẩy Bốn		
43	162216705	NGUYỄN VINH	AN	K16XDD1	8.9			7		7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
44	162216913	PHAN VĂN	PHÁT	K16XDD1	10			7		6.3			7	7.3	Bảy phẩy Ba		

Ngày thi: 18/12/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
45	162217004	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN	ANH	K16XDD1	9.3			8.5		6.9			3.5	0.0	Không		
46	162217346	BẠCH THANH	QUÍ	K16XDD1	10			7.5		7.2			5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
47	162524298	ĐỒNG PHƯỚC	NHÂN	K16XDD1	10			8		7.7			6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
48	142211230	VŨ NGỌC	KHUÔNG	K16XDD1	0			0		0			V	0.0	Không		
49	122210235	NGUYỄN HỒNG	ANH	K16XDD2	0			0		0			HP	0.0	Không		
50	132315710	CHÂU QUANG	HUY	K16XDD2	9.3			0		6.6			HP	0.0	Không		
51	152212626	DƯƠNG QUANG	MINH	K16XDD2	10			6		8			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
52	162163166	NGUYỄN MINH	HẢI	K16XDD2	10			7.5		7.6			3.5	0.0	Không		
53	162213210	NGUYỄN THANH	BÌNH	K16XDD2	9.6			7.5		7.4			7	7.5	Bảy phẩy Năm		
54	162213217	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16XDD2	8.6			0		6.6			2.5	0.0	Không		
55	162213219	LÊ NHẬT CÔNG	ĐOAN	K16XDD2	9.3			7		5.9			4	5.5	Năm phẩy Năm		
56	162213225	TRẦN KHÁNH	DUY	K16XDD2	10			7		7.4			6	7.0	Bảy		
57	162213229	NGUYỄN VĂN	HẢO	K16XDD2	8.9			6		6.7			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
58	162213237	PHAN ĐÌNH	HOÀNG	K16XDD2	9.6			7		7			2	0.0	Không		
59	162213239	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	K16XDD2	10			7		6.7			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
60	162213252	THÁI	HUY	K16XDD2	10			6		6.2			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
61	162213256	TRẦN HOÀNG	LINH	K16XDD2	9.3			7.5		7.3			3	0.0	Không		
62	162213259	ĐỖ ĐĂNG	LỢI	K16XDD2	10			7.5		6.5			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
63	162213262	NGUYỄN ĐẠI	LONG	K16XDD2	10			7		7.6			7	7.5	Bảy phẩy Năm		
64	162213266	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	K16XDD2	9.3			6		6			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
65	162213269	NGUYỄN HOÀNG	NAM	K16XDD2	7.9			6		5.2			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
66	162213271	HOÀNG NGUYỄN	NGỌC	K16XDD2	10			6		6.8			6.5	7.0	Bảy		
67	162213274	HUỖNH BÁ	NGUYỄN	K16XDD2	10			7		5.5			6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
68	162213278	TRẦN THANH	PHÁP	K16XDD2	9.6			7		6.1			6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
69	162213279	LƯU VŨ TÂN	PHONG	K16XDD2	10			6		7.9			2	0.0	Không		
70	162213283	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	K16XDD2	9.3			6		6.9			3.5	0.0	Không		
71	162213288	NGUYỄN THƯỢNG	QUỐC	K16XDD2	10			8.5		8			7.5	8.1	Tám phẩy Một		
72	162213293	NGÔ TRƯỜNG	SINH	K16XDD2	10			6		7.3			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
73	162213298	THÁI VĂN	THẠCH	K16XDD2	10			7		7.3			3	0.0	Không		
74	162213300	ĐOÀN NGỌC	THẠCH	K16XDD2	10			2		7.6			2.5	0.0	Không		
75	162213302	LÊ VĂN	THANH	K16XDD2	10			6.5		6.5			4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
76	162213305	NGUYỄN TÂN	THÀNH	K16XDD2	10			7		6.3			6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
77	162213308	NGUYỄN HỮU	THỜI	K16XDD2	10			7		7.5			6	7.0	Bảy		
78	162213313	NGUYỄN QUANG	THƯƠNG	K16XDD2	10			6		6.9			6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
79	162213315	HÀ TRỌNG	THỦY	K16XDD2	10			7		6.9			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
80	162213319	NGUYỄN PHÚC ANH	TOÀN	K16XDD2	10			7.5		6.6			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
81	162213327	NGÔ VĂN	TRUNG	K16XDD2	9.3			2		6.6			6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
82	162213330	NGUYỄN ĐỨC	TRƯỜNG	K16XDD2	10			8		7.3			4.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
83	162213333	PHẠM MINH	TUẤN	K16XDD2	9.3			0		6.9			2	0.0	Không		
84	162213340	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	K16XDD2	9.3			7		7			4.5	6.0	Sáu		
85	162213343	LÃ ANH	TUẤN	K16XDD2	10			7.5		7.2			6	7.0	Bảy		
86	162213346	ĐOÀN VĂN	TÙNG	K16XDD2	9.6			7.5		6.9			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
87	162213349	VÕ ĐÌNH	VŨ	K16XDD2	9.3			0		5.6			5	5.0	Năm		
88	162213352	PHAN TUẤN	VŨ	K16XDD2	10			8		7.8			5	6.6	Sáu phẩy Sáu		

Ngày thi: 18/12/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
89	162213357	TRẦN VĂN	VƯƠNG	K16XDD2	10			6		6.9			6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
90	162216497	VÕ ĐỨC	ANH	K16XDD2	10			6.5		6			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
91	162216500	HOÀNG LÊ SÔNG	HIỂU	K16XDD2	10			8		8.8			8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
92	162216831	NGUYỄN	CHIẾN	K16XDD2	10			7.4		7.7			7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
93	162217174	NGUYỄN ĐỨC	ANH	K16XDD2	10			7		6.6			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
94	162217253	HOÀNG	BI	K16XDD2	10			6.5		6.8			3	0.0	Không		
95	162223392	TRẦN TUẤN	KHANH	K16XDD2	10			6		7.2			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
96	162314532	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	K16XDD2	10			8		7.5			7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
97	152212700	VÕ THANH	PHONG	K16XDD2	8.6			7		5.5			3.5	0.0	Không		
98	142211241	HỒ CHÍ	NAM	K16XDD3	8			7		6			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
99	152215527	NGUYỄN THIÊN	HƯNG	K16XDD3	8			5		6			5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
100	152215928	NGUYỄN ĐĂNG	TÂN	K16XDD3	1			0		4			4	3.0	Ba		
101	162113017	THÁI ĐẠI	LỰC	K16XDD3	10			7		7			8	8.0	Tám		
102	162163164	LÊ ĐÌNH	DIỆP	K16XDD3	10			7		5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
103	162213207	ĐÀO NGUYỄN	BÁ	K16XDD3	10			7		5			3	0.0	Không		
104	162213209	VÕ ĐĂNG	BẢO	K16XDD3	8			7		5			5	5.8	Năm phẩy Tám		
105	162213211	NGUYỄN THANH	BÌNH	K16XDD3	8			6		7			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
106	162213214	TRẦN THANH	CẢNH	K16XDD3	10			6		5			7	7.0	Bảy		
107	162213215	TRẦN ĐÌNH	CHÍNH	K16XDD3	8			6		5			3	0.0	Không		
108	162213220	NGUYỄN ĐỨC	DOANH	K16XDD3	10			6		6			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
109	162213222	NGUYỄN HỮU THANH	DŨNG	K16XDD3	2			0		5			3.5	0.0	Không		
110	162213226	NGUYỄN QUANG	GIỎI	K16XDD3	10			7		5			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
111	162213231	HOÀNG TRUNG	HIỀN	K16XDD3	8			6		6			3	0.0	Không		
112	162213232	LƯU CÔNG	HIỂU	K16XDD3	10			7		5			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
113	162213242	BẠC CẨM THÁI	HOÀNG	K16XDD3	10			6		6			3.5	0.0	Không		
114	162213251	TỪ SỸ	HUY	K16XDD3	10			7		5			4	5.5	Năm phẩy Năm		
115	162213254	TRẦN VƯƠNG	KHIẾT	K16XDD3	10			7		5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
116	162213257	NGUYỄN ĐÌNH	LĨNH	K16XDD3	10			7		6			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
117	162213260	NGUYỄN THANH	LONG	K16XDD3	10			6		7			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
118	162213268	TRẦN HẢI	NAM	K16XDD3	2			0		5			V	0.0	Không		
119	162213272	NGUYỄN PHƯỚC BẢO	NGỌC	K16XDD3	2			5		5			2.5	0.0	Không		
120	162213275	LÊ BÁ	NGUYỄN	K16XDD3	10			6		6			4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
121	162213280	BÙI VĂN	PHÚ	K16XDD3	3			0		5			V	0.0	Không		
122	162213282	TRẦN HỮU	PHƯƠNG	K16XDD3	3			0		4			5	3.8	Ba phẩy Tám		
123	162213289	NGUYỄN BÁ MINH	QUỐC	K16XDD3	10			7		5			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
124	162213296	ĐÌNH TRỌNG	TÂM	K16XDD3	10			6		7			8.5	8.1	Tám phẩy Một		
125	162213299	NGUYỄN VĂN	THẠCH	K16XDD3	8			6		6			7	6.9	Sáu phẩy Chín		
126	162213309	NGUYỄN HOÀNH	THỐNG	K16XDD3	10			5		5			6	6.3	Sáu phẩy Ba		
127	162213316	TRẦN DIỄN	THUYẾT	K16XDD3	8			6		5			5	5.6	Năm phẩy Sáu		
128	162213318	NGUYỄN DUY	TOÀN	K16XDD3	10			7		8			6	7.1	Bảy phẩy Một		
129	162213326	TƯỜNG XUÂN	TRÚC	K16XDD3	10			0		6			3.5	0.0	Không		
130	162213329	ĐÀO HỮU	TRƯỜNG	K16XDD3	10			6		5			7	7.0	Bảy		
131	162213335	PHẠM MAI QUANG	TUẤN	K16XDD3	2			0		4			4.5	3.4	Ba phẩy Bốn		
132	162213336	NGUYỄN ANH	TUẤN	K16XDD3	4			0		4			4.5	3.7	Ba phẩy Bảy		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA K16XDD												
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN MÔN HỌC:		KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP								HỌC KỲ		7
				MÃ MÔN HỌC :		CIE-376								TÍN CHỈ		3
Ngày thi:				18/12/2013								LẦN THI		1		
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
133	162213338	TRẦN ANH	TUẤN	K16XDD3	10			6		6			5	6.1	Sáu phẩy Một	
134	162213344	MAI ĐỨC	TUẤN	K16XDD3	10			1		7			6	6.0	Sáu	
135	162213351	TRẦN TUẤN	VŨ	K16XDD3	10			7		6			6	6.8	Sáu phẩy Tám	
136	162213353	NGUYỄN QUANG	VŨ	K16XDD3	10			6		7			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
137	162213355	ĐỖ MINH	VƯƠNG	K16XDD3	2			0		4			HP	0.0	Không	
138	162216808	NGUYỄN LÂM	TÙNG	K16XDD3	6			0		5			5.5	4.7	Bốn phẩy Bảy	
139	162217572	NGUYỄN HOÀNG THIÊ	NHÂN	K16XDD3	10			6		6			7	7.2	Bảy phẩy Hai	
140	162217670	NGUYỄN TUẤN	TRUNG	K16XDD3	0			0		0			V	0.0	Không	
140	162223374	HUỲNH NGỌC	HẠNH	K16XDD3	4			0		4			4	3.4	Ba phẩy Bốn	
140	162333778	NGUYỄN VĂN	QUANG	K16XDD3	10			6		4			3.5	0.0	Không	
140	4470	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	K14XDD2	7.9			0		4.5			5.5	4.9	Bốn phẩy Chín	40722DT
140	2759	ĐOÀN NGỌC	TÂM	T16XDDB	8.9			4		5.8			5	5.6	Năm phẩy Sáu	39765DT
140	2758	NGUYỄN QUANG	TÁ	T16XDDB	8.6			4		6			5	5.5	Năm phẩy Năm	39764DT

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	105	72%	
2	Số sinh viên nợ	41	28%	
TỔNG CỘNG :		146	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 01 năm 2014

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân